

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-3-2023

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ;

Ông Nguyễn Mai Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 289/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lai Thị Thanh M, sinh năm 2000; hộ khẩu thường trú: ấp 5, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; cư trú tại: số 75/B1, khu phố B, phường H, thành phố A, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Anh T, sinh năm 1987; cư trú tại: ấp 5, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Tiến D, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lai Thị Thanh M trình bày:

Về hôn nhân: chị M và anh T đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 8 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; hôn nhân tự nguyện. Khi anh chị kết hôn, anh T là người khuyết tật do bị bỏng xăng. Tuy nhiên, khi đó anh T là người đàn ông tốt, yêu thương chị M thật lòng nên chị M chấp nhận. Anh chị chung sống hạnh phúc đến khi chị M sinh con khoảng một tháng (tháng 3 năm 2020) thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh T thường xuyên uống rượu say rồi về nhà gây sự đánh chị M, đập đầu chị M vào tường, kẻ dao vào cổ chị M. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị M dẫn con ra ngoài ở trọ từ ngày 22 tháng 10 năm 2022 đến nay. Nay, chị M không thể tiếp tục chung sống với anh T nên yêu cầu được ly hôn.

Về nuôi con chung: anh chị có một con chung tên Phạm Thiên L, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2020. Tại đơn khởi kiện ban đầu, chị M yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị M vẫn yêu cầu được nuôi con chung nhưng không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Chị M hiện làm bảo vệ, thu nhập trung bình mỗi tháng từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng. Chị M không đồng ý giao con chung cho anh T nuôi vì anh T làm nghề shipper, giờ giấc không ổn định, thường xuyên uống rượu, anh T sống một mình không ai phụ anh T chăm sóc con.

Về chia tài sản và nợ chung: chị M không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 09 tháng 11 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Anh T trình bày:

Về hôn nhân: anh T và chị M đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 8 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2022 thì anh T phát hiện chị M ngoại tình nhưng anh T không có bằng chứng cụ thể. Ngoài ra, chị M còn có thói quen thường xuyên chơi game online trên điện thoại di động mỗi ngày. Từ tháng 10 năm 2022, chị M dẫn con bỏ đi đến nay. Chị M khai anh T thường xuyên uống rượu say rồi về đánh chị M, kẻ dao vào cổ chị M là không đúng; mỗi tháng anh T chỉ uống rượu một lần. Nhưng có một lần con chung chích ngừa về bị sốt, anh T có nói chị M cho con uống thuốc hạ sốt, chị M không nghe nên anh T có tát và ghì đầu chị M vào tường. Trước khi mở phiên tòa, anh T không đồng ý ly hôn vì anh T còn thương vợ và muốn con có đủ cha mẹ. Tại phiên tòa, anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M.

Về nuôi con chung: anh T yêu cầu được nuôi con chung là cháu L và không yêu cầu chị M cấp dưỡng. Anh T làm nghề shipper, thu nhập trung bình mỗi tháng 15.000.000 đồng, anh T có nhà riêng, đủ điều kiện để chăm sóc tốt cháu L. Anh T không đồng ý giao con cho chị M nuôi vì công việc của chị M không có nhiều thời gian chăm sóc cho con mà để cho mẹ của chị M chăm sóc.

Về chia tài sản và nợ chung: không tranh chấp nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: bị đơn anh T đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng và là người khuyết tật, thuộc diện được trợ giúp pháp lý, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng đã kịp thời thông báo đến Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương cử tôi tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: tại phiên tòa, anh T đồng ý ly hôn với chị M nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị M và anh T.

Về nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao con chung cho anh T nuôi bởi các lý do sau: công việc của chị M là bảo vệ, phải thay đổi nơi ở liên tục theo địa điểm được phân công bảo vệ, làm ảnh hưởng sự phát triển bình thường của cháu L. Anh T dù là người khuyết tật nhưng có chỗ ở và công việc ổn định, có người thân hỗ trợ trong việc chăm sóc cháu L. Cháu L hiện đang sống cùng chị M, có bà ngoại cháu L phụ chăm sóc cháu L là cần thiết nhưng chị M không vì thế mà phó mặc, chủ quan. Dù pháp luật quy định con còn nhỏ được giao mẹ nuôi nhưng Hội đồng xét xử nên cân nhắc giao cháu L cho anh T nuôi, việc thăm nom con của chị M cũng thuận tiện. Tại phiên tòa, anh T cũng cam kết nuôi dưỡng tốt cháu L, nếu anh T không thực hiện tốt thì chị M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: không tranh chấp nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng: anh T là người đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng và là người khuyết tật, thuộc diện trợ giúp pháp lý. Tòa án đã thông báo Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương cử người thực hiện trợ giúp pháp lý cho anh T. Ngày 10 tháng 02 năm 2023, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương đã cử ông Nguyễn Tiến D là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T. Ngày 15 tháng 02 năm 2023, Tòa án đã vào sổ đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và xác nhận vào giấy yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 75 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: hôn nhân của chị M và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Chị M khai anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 3 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu say về gây sự đánh chị M, đập đầu chị M vào tường, kè dao vào cổ chị M; ngày 22 tháng 10 năm 2022 chị M dẫn con chung ra ngoài ở trọ đến nay. Anh T khai mâu thuẫn vợ chồng do chị M ngoại tình nhưng anh T không có gì chứng minh; từ tháng 10 năm 2022, chị M dẫn con bỏ đi đến nay. Anh T không thừa nhận việc thường xuyên uống rượu say rồi về đánh chị M, kè dao vào cổ chị M; mỗi tháng anh T chỉ uống rượu một lần. Tuy nhiên, anh T thừa nhận có tát chị M một lần do mâu thuẫn trong việc chăm sóc con, thừa nhận có ghì đầu chị M vào tường.

Dù lời khai của anh chị không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng anh chị đều thừa nhận đã không còn sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2022 đến nay; tại phiên tòa, anh T thừa nhận có tát chị M, có ghì đầu chị M vào tường. Vì vậy, chị M yêu cầu ly hôn với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Theo Biên bản xác minh ngày 15 tháng 02 năm 2023 về tình trạng hôn nhân của anh chị (bút lục số 62), chị M đã bỏ nhà đi và anh chị đã không còn chung sống với nhau. Chị M và anh T là vợ chồng nhưng không sống chung với nhau là đã không giữ gìn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh T thừa nhận có tát chị M, có ghì đầu chị M vào tường, đây là hành vi bạo lực gia đình bị nghiêm cấm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 5 của Luật Hôn nhân và Gia đình; anh T đã vi phạm nghĩa vụ tôn trọng danh dự, nhân phẩm của chị M theo quy định tại Điều 21 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét thấy, hôn nhân của chị M và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, anh T đã đồng ý ly hôn với chị M; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị M và anh T.

Về nuôi con chung: anh chị có một con chung tên Phạm Thiên L, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2020, hiện cháu L đang ở cùng chị M. Chị M và anh T đều yêu cầu được nuôi con chung và đều không yêu cầu cấp dưỡng. Chị M và anh T đều không đồng ý giao cháu L cho người kia nuôi với lý do người đó sẽ không đảm bảo các điều kiện để nuôi cháu L được tốt.

Xét thấy, chị M và anh T đều có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Tại thời điểm chị M khởi kiện, cháu Long chưa được 03 tuổi; theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu L vừa mới hơn 03 tuổi, vẫn còn rất nhỏ và cháu đang sống cùng chị M ổn định. Nếu có sự hỗ trợ, giúp đỡ từ mẹ chị M là bà ngoại cháu L để trông nom, chăm sóc cháu L, tạo điều kiện cho chị M đi làm tạo thu nhập thì cũng hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 103 và khoản 1 Điều 104 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh T viện vào lý do này không đồng ý giao con cho chị M nuôi là không phù hợp. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu L, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, theo đó anh T có trách nhiệm giao cháu L cho chị M trực tiếp nuôi theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và giải quyết về cấp dưỡng khi có yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 107 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về chia tài sản và nợ chung: chị M và anh T không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lời khai của anh cho rằng chị M khi bỏ đi mang theo của anh T khoảng 100.000.000 đồng; anh T không tranh chấp trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét lời trình bày và lập luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn về hôn nhân và về chia tài sản và nợ chung là phù hợp; còn lập luận về nuôi con chung là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[5] Về án phí: chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 75 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm h khoản 2 Điều 5, Điều 19, Điều 21, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2, khoản 3 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 84, Điều 103, khoản 1 Điều 104, Điều 107 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lai Thị Thanh M đối với anh Phạm Anh T về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lai Thị Thanh M và anh Phạm Anh T.

Về nuôi con chung: anh Phạm Anh T có trách nhiệm giao con chung tên Phạm Thiên L, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2020 cho chị Lai Thị Thanh M trực tiếp nuôi, chị Lai Thị Thanh M không yêu cầu anh Phạm Anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và giải quyết về cấp dưỡng khi có yêu cầu.

Về chia tài sản và nợ chung: chị Lai Thị Thanh M và anh Phạm Anh T không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: chị Lai Thị Thanh Mai phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Lai Thị Thanh M đã nộp theo biên lai số AA/2021/0009438 ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Chị Lai Thị Thanh M đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn và bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- UBND xã H, huyện B;
(Giấy CNKH số 48, đăng ký
ngày 05 tháng 8 năm 2019)
- Dương sự;
- Công thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Kim Xuyên